

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1770/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 374/2022/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Diễm H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 134/2B, khu phố 7, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trương Đình H1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 134/2B, khu phố 7, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bùi Thị Diễm H trình bày :**

Bà và ông Trương Đình H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hoà, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai ngày 06/3/2018. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau, không có chung quan điểm sống và làm việc. Vợ chồng

nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông H1 không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc.

**** Bị đơn ông Trương Đình H1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.***

**** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Diễm H. Về con chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chưa lấy được ý kiến của ông H1 đề nghị không xem xét giải quyết. Bà H phải chịu án phi ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà H xin ly hôn với ông Trương Đình H1. Theo phiếu xác minh ngày 07 tháng 7 năm 2022, thể hiện bị đơn ông H1 hiện đang cư trú tại địa chỉ: 134/2B, khu phố 7, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo và giấy triệu tập ông H1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, ông H1 vắng mặt không có lý do, bà H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Căn cứ vào Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông H1 tham gia phiên tòa nhưng ông H1 đều vắng mặt không có lý do. Bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông H1.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Tân Hoà, thành phố Biên Hoà cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 06/3/2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo trình bày của bà H thì sau khi kết hôn, bà H và ông H1 chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng khoảng thời gian sau, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà H và ông H1 đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H xin được ly hôn với ông H1. Toà án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông H1. Tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 7 năm 2022, địa phương không cung cấp được thông tin mâu thuẫn vợ chồng do bà H, ông H1 không trình báo với địa phương.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H1 nhưng ông H1 vẫn không có ý kiến chứng tỏ ông H1 bỏ mặc, không mong muốn bảo vệ và duy trì hôn nhân với bà H. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông H1 lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay bà H xin ly hôn với ông H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H trình bày quá trình chung sống, bà H và ông H1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H1 chưa có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Diễm H, cho bà Bùi Thị Diễm H được ly hôn với ông Trương Đình H1.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Diễm H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003313 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

5. Bà Bùi Thị Diễm H, ông Trương Đình H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa;
- THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

